

PHẨM: ĐỆ TỬ

(Phần 4)

Bốn là Phật sai ngài Thiện Cát Từ “câu Phật bảo Tu-bồ-đề ... trở xuống”. Văn có hai phần: Phật sai đi thăm bệnh và Thiện Cát trả lời không kham nhận được .

- Sai hỏi bệnh. Sở dĩ sai tiếp, đến Thiện cát vì ngài là bậc giải không đệ nhất trong hàng Thanh văn. Tu-bồ-đề, Hán dịch là Thiện cát, cũng gọi là Thiện Nghiệp hay bất Sinh. Vì ngày sinh ra ngài thì nhà cửa đều trống không. Cha mẹ thấy quái dị bèn hỏi thầy tướng số, thấy chiêm quẻ đáp: Đây là tướng tốt, nhân đó đặt tên là Thiện Cát. Bản tánh ngài từ thiện, không tranh giành cùng ai. Ngài xuất gia thấy không mà được đạo, gồm tu Từ tâm được Vô tránh Tam-muội. Do đó, ngài thường hay hộ trì tâm mọi người, nên gọi là Thiện Nghiệp. Vì lúc sinh ngài, nhà cửa đều trống không, nên gọi là Không Sinh. Nhà cửa đều trống không tức biểu thị khi lớn lên thành tướng giải không. Nếu tìm xét tận cùng thì cũng lập nên năm thứ lợi ích như trước nói trong chương đầu ngài Thân Tử.

- Đáp lời không kham “Tu-bồ-đề... trở xuống. Văn có bốn:

1. Đáp lời không kham.
2. Kể lý do không kham.
3. Chánh nói việc không kham.
4. Kết thành không kham.

* Đáp lời không kham. Vì ngày xưa bị chê trách mà không đáp được đâu dám lãnh ý chỉ đến thăm bệnh.

* Nói lý do không kham Từ “Sở dĩ ... khát thực”. Do đến khát thực mà bị quở trách. lý do đến nhà ngài Tịnh Danh khát thực có hai nghĩa: Một là bỏ nghèo đến giàu. Hai là tự ý mình giải không.

Nghĩa thứ nhất lại có hai ý:

- a. Hóa tha.
- b. Tự hành.

a. Hóa tha: Người nghèo khổ khó, thường lo không đủ, vì Từ tâm không tranh giành, Ý hộ trì họ, nên không đến khát thực. Còn nhà giàu no ấm may mắn đến xin thì không làm hao tổn, nên không có lỗi làm phiền não họ. Lại hiểu người nghèo: thì tệ hại nghèo đói nên dễ giáo hóa, bởi gặp duyên liền phát, không đáng tâm lo nghĩ. Còn nhà giàu lại có thêm lòng kiêu căng phóng dật khó dạy, nếu tự mình không nhận xin ăn thì không do đâu mà khai hóa. Đây cùng lỗi với ngài Ca-diếp. Ngài Ca-diếp theo nghèo mà lòng từ bi Không khắp. Còn ngài Thiện

Cát theo nhà giàu không tranh giành cũng là thiên lệch.

b. Tự hành: Ngài Thiện Cát hành không Tam-muội không bị lâu dài sang trọng khó cầu làm phước hại. Nếu bày lễ cúng trang trọng, vì không, và chẳng chút phân biệt nên chẳng động tâm, nên ngài bỏ nhà nghèo theo nhà giàu, vì đối với quán hạnh tâm không ngại.

Nghĩa thứ hai: Tự ý giải Không. Ngài Tịnh Danh với biện tài không có giới hạn, nên những kiến chấp gì cũng đều bị chê trách cho nên hàng Thanh văn Bồ-tát không dám đưng đến pháp môn của ngài. Ngài Thiện Cát suy nghĩ nếu còn kiến giải “Có” thì ắt sẽ bị chê trách. Nhưng đã “Không” không có gì thì sao bị chê trách được. Tự ý Giải không lòng chẳng sợ khó, nên đến cửa khát thực, bèn bị chê trách dữ dội đến độ muốn vô phép để bát bỏ đi, lý do không kham là như thế.

* Chánh nói việc bị chê trách “Lúc bấy giờ Duy-ma ... trở xuống. Văn có năm phần:

1. Cầm bát đầy cơm.
2. Chánh chê trách.
3. Bỏ bát mà đi.
4. Ngài Tịnh Danh an ủi.
5. Người nghe ngộ đạo.

Bưng bát cơm đầy, theo sự mà giải thích thì thí chủ có vẻ không muốn cho cơm mà chê trách, Như có ý luyến tiếc. Nay cho cơm mà chê trách là biểu thị tâm không luyến tiếc mà chỉ vì người khát thực có tâm quấy nên thương mà chỉ bày cho. Theo lý à giải thích thì, ôm bát không mà đến là biểu thị chỉ thấy “không”. Đem cho bát đầy là biểu thị diệu dụng có chê trách chỉ rõ lý “chẳng không”. Nên trong Đại kinh có nói: Thanh văn thấy “không” mà không thấy “chẳng không”. Bồ-tát không những thấy “không” mà còn thấy “chẳng không” muốn trách ông ấy vướng trệ ở không, để chỉ rõ chẳng không, nên lấy bát không để đầy cơm mà đem cho.

Chánh chê trách: Đại ý có hai câu hỏi: Một, nếu là kính điền thì lấy ăn. Hai nếu là bi điền thì lấy ăn. Câu hỏi đầu phần lớn dựa vào Thông và Viên giáo, câu hỏi hai phần lớn dựa vào Biệt viên. Vì sao? Vì không phải vì tiệc bữa ăn, chỉ vì Thiện Cát tự có ý tưởng mình đến ứng cúng để sinh phước điền, nên phải hỏi đó là thật hay giả. Nếu là Thánh nhân thì đáng làm kính điền. Nếu không phải kính điền thì phải đồng là bi điền của ngoại ma mà lấy ăn. Ngài Thiện Cát không lường được ý chỉ sâu xa của câu hỏi, muốn từ kính điền mà lấy ăn, nhưng với câu hỏi về Thánh pháp thầy đều không biết, muốn từ bi điền mà lấy.

Đâu thể chấp nhận cho bậc Vô học đốn căn lại đồng với ngoại ma, nên lừng chừng tiến thối lưỡng nan muốn bỏ bát mà đi. Ngài Tịnh Danh chê trách, ý chính ở đây.

Câu hỏi đầu về kính điền có hai phần; một là, hỏi có biết Thánh pháp chăng; hai là, hỏi có phải Thánh nhân không.

Hỏi có biết Thánh pháp chăng, từ “nhược năng” đến “thử thực”, nếu biết thì mới lấy ăn, vì pháp giúp thành người. Trước căn cứ theo pháp mà hỏi, nghĩa có hai là hỏi về sự và hỏi về pháp.

Về sự, nếu biết sự trong Thánh pháp đối với ăn bình đẳng thì sự đối với pháp cũng phải bình đẳng hóa tha, tự hành, từ bi bình đẳng Không nên bỏ nghèo theo giàu như trước đã nói. Vì ăn không bình đẳng nên từ bi quán hạnh đều không bình đẳng. Vì ăn không bình đẳng nên đối với pháp cũng không bình đẳng. Đã từ bi quán hạnh không bình đẳng, nên khát thực cũng không bình đẳng. Ấy là đối với pháp Không bình đẳng, đối với ăn cũng không bình đẳng. Nếu đều không bình đẳng thì sao được lấy ăn. Lại nữa, nếu cho rằng “Có” có thể phá, mà “không” chẳng thể phá, nên không sợ cật vấn mà đến xin ăn, thì “Có” và “Không” không bình đẳng, thì đối với pháp Không bình đẳng. Pháp Không bình đẳng cho nên đến hỏi xin ăn thì ăn cũng không bình đẳng. Bồ-tát không như vậy Không và “Có” chẳng thiên lệch, ấy là pháp bình đẳng. Pháp bình đẳng nên ăn bình đẳng. Vì ăn bình đẳng nên tức không, như Thiệt Cát cấy vào Không mà không sợ. Nhân ăn mà có tranh giành sao được gọi là vô tránh. Nếu luôn Có, Không bình đẳng đối với ăn không tranh giành thì tức là có thể biết Thánh pháp, có thể gọi là kính điền. Người tu quán hạnh nếu được như thế tức là chân khát sĩ.

Về lý, như trong Đại Phẩm nói: tất cả pháp hướng đến vị, sự hướng đến ấy chẳng ngoài vị còn không thể được thì sao đáng có hướng đến và không phải hướng đến. Nay nói tất cả hướng đến vị, vị tức là pháp giới bao gồm tất cả pháp. Có ăn nên có pháp, ăn nên không pháp không. Nay ăn cái “không thể có được” còn chẳng thấy Có sao gọi là có hướng đến, còn chẳng thấy không sao gọi là Không phải hướng đến. Tức là Trung đạo Tam-muội chân thiên duyệt thực mà hay thấu suốt hướng đến và không phải hướng đến, song chiếu cả hai để được ba để Tam-muội gọi là chân pháp hỷ. Đó gọi là pháp thực bình đẳng. Lại các pháp bình đẳng, là tất cả các hướng đến, ấm, nhập, giới cho đến Nhất thiết chủng trí, vì ấm nhập giới Nhất thiết chủng trí không thể được, vì sao lại nói đáng có hướng đến hay không hướng đến. Rõ ràng đây hướng đến và không hướng đến thì tất cả các pháp đều đủ ba để. Như Đại luận có

đụ ba tướng sát-na ấy là các pháp cũng bình đẳng. Nếu thấy pháp tánh của ăn không khác pháp tánh của các pháp tức là hai pháp đồng một. Lại đối với ăn mà bình đẳng, nếu thông suốt các pháp về lý ba đế, tức là lý ba đế trong ăn, do đó mà đối với ăn cũng bình đẳng. Thường biết như thế là biết Thánh pháp, bèn là kính điền thì mới có thể lấy ăn. Nếu không thể như thế tức là Không phải kính điền sao được lấy ăn. Từ đây trở đi phần nhiều là quán tâm mà nói nghĩa nên không cần lập riêng.

Hỏi có phải là Thánh nhân chăng? “Nếu Tu-bồ-đề ... trở xuống Nếu là Thánh nhân thì phải chứng Thánh pháp, có thể làm kính điền mà lấy ăn. Còn nếu không phải là Thánh nhân đâu nên làm ứng cúng mà thọ nhận. Sở dĩ đặt câu hỏi này là sợ ông ta nghĩ rằng: Ta tuy không biết pháp bất tư nghị thì có hại gì, bởi khi thấy lý Tứ đế là được quả Thánh nhân, tức là Ứng cúng, kính điền mà lấy ăn thì có tội gì cho nên dựa vào Tứ đế mà hỏi. Nếu ý ông bảo thấy lý Tứ đế được quả là Thánh nhân, thì nay lần lượt Tứ đế mà hỏi. Nếu thật thấy thì sao lại cho được quả Thánh nhân là kính điền. Còn nếu không biết thì sao được vọng bảo là đã được. Nếu không phải kính điền thì đâu được lấy ăn. Văn phần này có ba phần: Một là xét hỏi riêng lần lượt theo Tứ đế. Hai là chung kết Tứ đế để giải thích lại. Ba là kết phá.

Phần một có bốn:

- a. Xét Tập.
- b. Xét Khổ.
- c. Xét Đạo.
- d. Xét Diệt.

Như đã thường nêu, là xét theo thứ tự khi nói pháp, tức nói quả trước nhân sau, tức muốn khiến chán khổ thì đoạn tập, mền diệt thì tu đạo. Nay cũng theo thứ tự nhân quả mỗi mỗi xét hỏi.

Riêng hỏi về Tập đế:

Nay đem vô tác Tập đế mà hỏi để phá hữu tác Tập đế. Nếu phạm phu ba độc cùng tâm đều sinh đều diệt, tức cùng đều có sinh diệt. Nếu là bậc Thanh văn thì không ai biết Tập mà không đoạn, đây là đoạn mà không đều có. Còn Bồ-tát quán vô tác Tập đế thì tánh dâm, nộ, si cũng như hư không nên không đoạn, cũng không cùng đều, nên không đồng với phạm phu và Nhị thừa. Bồ-tát luôn dùng Phật tuệ quán tánh ba độc tức là Phật tánh, thấu suốt ba độc thấy tất cả Phật pháp đều đầy đủ, tức là vô tác Tập đế. Nên Vô Hạnh nói rằng: “Tham dục tức là đạo, khuể si cũng như thế.” Như thế trong ba pháp đầy đủ tất cả Phật pháp. Nếu có thể thấy được như thế thì mới đáng là thấy Đế được quả Thánh nhân, là

kính điền Ứng cúng, mới được lấy ăn.

Hỏi riêng về Khổ đế: “Bất hoại ... Nhất tướng”: Hàng Nhị thừa quán hữu tác Khổ đế, phân tích kiểm tra sừ tìm giả danh thật pháp mới được lý khổ gọi là hoại thân. Bồ-tát quán vô tác Khổ đế thật tướng thể thân, như thấy ảnh trong gương, không cần phân tách. Ấy là bất hoại đối với thân mà theo một tướng. Thông giáo còn thiên chân nên không gọi là một tướng. Còn Viên giáo thì pháp thân không có tướng thấy khác, nên gọi là một tướng. Nên ở đoạn văn sau nói: Quán thân thật tướng, quán Phật cũng thế. Thấy ở một tướng không đồng với phàm phu, bất hoại đối với thân không đồng với Nhị thừa. Quán vô tác khổ, thấy một thật đế thanh tịnh pháp thân, gọi là thấy Đế mới là Thánh nhân, tức là kính điền chân thật, nếu không thế thì không nên lấy ăn.

Hỏi riêng về Đạo đế: Từ “Bất diệt ... Minh thoát”. Nếu hàng Nhị thừa bỏ tám tà vào tám chánh, khởi ba minh vào tám giải thoát, thì đây là diệt bỏ si ái mà khởi minh thoát, tức là hữu tác Đạo đế. Bồ-tát tu vô tác Đạo đế chỉ quán tất cả chúng sinh tức tướng Bồ-đề, pháp tám tà tức là tám giải thoát. Nếu đoạn mà khởi, thì không phải là tu vô tác. Dùng Phật tuệ mà quán không phải sáng không phải tối, cùng giao tiếp với cả sáng tối không ngăn ngại nhau, mà hiển bày Bồ-đề. Tức là làm phi đạo mà thấu suốt Phật đạo, nên không cần đoạn si ái, khởi minh thoát. Thì minh đối với si, thoát đối với ái, nên kinh Tư Ích có nói: dùng tướng Bất nhị mà quán minh đạo Thánh đế. Nếu có thể tu đạo Thánh đế như thế mới là chân Thánh nhân Kính Điền mà lấy ăn. Không thế thì không nên lấy ăn.

Riêng hỏi về Diệt đế: Từ “dĩ ngữ ... bất phược” hỏi hàng Nhị thừa quả phược đoạn dứt thì gọi là được hai thứ Bất-nhã tức là tên khác của Diệt đế Niết-bàn. Giáo Thanh văn nói người phạm tội ngũ nghịch còn chẳng được xuất gia thọ giới, đâu được nói là giải thoát Diệt đế. Viên giáo thì không thế, vì hiểu thật tướng ngũ nghịch tức là Diệt đế. Nên đoạn văn sau có nói: “Tất cả chúng sinh tức Đại Niết-bàn” nên không còn diệt nữa. Kinh Tư Ích nói: “Pháp xưa không sinh, nay thì không diệt, là Diệt Thánh đế.” Kinh Phương Quảng nói: Cho đến tội ngũ vô gián đều sinh tướng giải thoát. Ngũ nghịch là phược dữ dội mà còn vốn là diệt, huống là tất cả pháp mà không phải giải thoát ư? Như Điều-đạt tạo tội ngũ nghịch đọa vào ngục Vô gián mà vui như ở Tam thiên, thường tự vắng lặng, tức là Đại Niết-bàn. Vì tướng ngũ nghịch nên không đồng với Nhị thừa, mà được giải thoát nên không đồng với phàm phu. Nếu có thể như thế mà thấy vô tác Diệt đế, thì đó là Thánh nhân vô thượng

kính điển. Không thế thì không nên lấy ăn.

Chung giải thích lại “không thấy... Thánh nhân”: Trước hỏi vô tác Tứ đế vì ngài Thiện Cát không hiểu, nên giải thích lại. Không thấy Tứ đế không phải là Không thấy Đế, thì nay dùng ba nghĩa giải thích chung:

- a. Giải cả hai đều không phải.
- b. Giải cả hai lấy, bỏ.
- c. Căn cứ bốn bất khả thuyết.

Giải cả hai đều không phải: Không thấy tức không phải Có, không phải thấy tức không phải Không. Sở dĩ nói điều này để giải thích là vì ngài Thiện Cát tự bảo rằng nếu thấy hữu tác Tứ đế là được quả. Trên đã trình bày vô tác lẫn át hữu tác, tức không có lý hữu tác để thấy được, nên nói không thấy Tứ đế. Nếu nói không thấy có hữu tác tức không có Tứ đế có thể thấy. Trên đã nói vô tác, vì sao lại bảo như thế, nên nói không phải chẳng thấy Đế. Lại giải không thấy Tứ đế không giống Nhị thừa, không phải Không thấy Đế, không đồng với phàm phu.

Giải cả hai lấy bỏ Tứ đế của bốn giáo thì bỏ một lấy ba. Bỏ một, tức là Không thấy, không thấy có Tứ đế sinh diệt. Lấy ba, tức không phải Không thấy Đế, không phải Không thấy Tứ đế của ba giáo. Đây như Trung luận nói về lỗi của ngoại đạo. Luận chủ nếu phá tất cả pháp, tức là Không có Tứ đế, bốn quả Sa-môn, ấy thật đáng sợ. Luận chủ hỏi gặng lại: Nếu như chỗ ông chấp có tức phá Tứ đế của bốn quả Sa-môn, ta tuy phá tất cả pháp Tứ đế bốn quả Sa-môn nghĩa đó rất rõ ràng. Tương tự với đây mà phá tức như nay phá sinh diệt Tứ đế. Về “Có” thì nay diễn môn có ba thứ, huyền văn đã phân biệt, nay không nhắc lại.

Căn cứ bốn bất khả thuyết: Đại kinh nói bốn bất khả thuyết, tức bốn lý Tứ đế. Nói có bốn nhân duyên, tức bốn Tất-đàn phó cơ nói bốn thứ. Không thấy Tứ đế, tức bốn lý Tứ đế đều bất khả thuyết. Không thể thấy nên nói không thấy Tứ đế. Tuy bất khả thuyết mà bốn giáo thuyết, tuy không thể thấy mà năm nhāntướng mà thấy, bất khả thuyết mà thuyết. Nếu không thể như thế tức không phải là Thánh nhân chân kính điển sao được lấy ăn.

Không phải được quả, có Sư nói, đây e là loại rơi rớt cần có đối, nay nói không phải thế. Ngài Tịnh Danh đã giải thích không phải thấy Đế, tức không có Thiện Cát và hàng Nhị thừa thấy Đế được quả. Nếu thế, không phải Không thấy Đế nên có Đại thừa Bồ-tát được quả. Nay nói Bồ-tát trong nhân không chứng, nên nói không phải được quả. Nhưng hàng Nhị thừa cho rằng thấy Tứ đế thì được hai quả Niết-bàn. Ý

nay trách là chỉ chứng thiên chân mà gọi là được quả hai Niết-bàn. Đã phá quả hóa thành tức là Không phải quả nên nói là Không phải được quả. Nếu Bồ-tát của Thông giáo tuy trong nhân thấy vô sinh mà chưa chứng nên không phải được quả. Biệt giáo trong nhân tuy thấy vô lượng nhưng nếu nhập vô tác, Thập địa chưa đủ thì đâu được chứng quả. Bồ-tát của Viên giáo chưa đến Diệu giác đâu được ở Sơ tâm mà được quả vô thượng. Đoạn văn sau có nói: Tuy lại thị hiện thành đạo, chuyển pháp luân, mà không bỏ hạnh Bồ-tát, tức là Không phải được quả. Ngài Thiện Cát còn chưa thấy được ba thứ Tứ đế của Diễn môn, không phải là chân Thánh nhân, sao được chứng quả Vô học. Đây không phải là kính điền thì đâu được lấy ăn. Không phải phạm phu tức không phải cụ phước, không phải lìa pháp phạm phu, tức không phải pháp giải thoát của Nhị thừa. Lại nữa, không phải phạm phu, tức là pháp bốn thứ Diệt Đạo. Không phải lìa pháp phạm phu, tức là pháp bốn thứ Khổ tập. Vì sao? Vì tất cả phạm phu và hàng Nhị thừa là ở ngoài lý Trung đạo, đều là phạm phu. Còn Bồ-tát quán Trung đạo mà thấy Phật tánh, nên không phải phạm phu. Không phải lìa phạm phu là năm loại phạm phu luận nói Thập địa, vẫn gọi là Thánh tuệ phạm phu, thế thì dưới quả vị Phật trở xuống đều là phạm phu nên nói không phải lìa pháp phạm phu. Không phải Thánh nhân, là nếu cho cả hai đều không phải, Bồ-tát quán pháp bình đẳng còn không thấy Thánh pháp, thì có chỗ nào là Thánh nhân, nên không phải là Thánh nhân Nhị thừa. Không đâu không phải Thánh nhân thì tức là Không phải phạm phu. Lại không phải Thánh nhân, là chẳng phải Thánh nhân ngoài lý. Hàng Nhị thừa không thấy Trung đạo thì đâu phải là Thánh nhân. Lại không đâu không phải Thánh nhân là chỉ cho hàng Tam hiền Thập Thánh. Xét theo Viên giáo thì đều là Thánh nhân cả. Ngài Thiện Cát đã ở ngoài lý mà không dựa vào số Thánh nhân này, thì không phải là kính điền đâu được vọng đối lấy ăn.

Kết giải thích “Tuy thành ... thủ thực”. Tuy thành tựu tất cả pháp, là thấu suốt bốn thứ Tứ đế, tất cả các pháp quyền thật đều thành tựu. Nhưng lìa các pháp tướng, tức là pháp giới bình đẳng Không phải nhân, không phải quả mà không thể nói. Vì không thấy bốn tướng Tứ đế, nên tâm không đắm trước. Lại nữa, nếu thấu suốt bốn thứ Tứ đế, tức thấy trung đạo song chiếu với hai đế, mà được tam đế Tam-muội, ba trí đầy đủ, định tuệ trang nghiêm, thành ba đức bí tạng rốt ráo không thể được, thuận đạo pháp, ưa bất sinh, tức nhập vào sơ trụ của viên giáo, tâm tâm vắng lặng, tự nhiên lưu nhập. Nếu được như thế tức là chân Thánh nhân,

Ứng cúng phước điền mới được lấy ăn, đã không như thế đâu được lấy ăn.

Câu hỏi thứ hai: nếu đồng Bi điền mới được lấy ăn Từ “Nếu Tu-bồ-đề... trở xuống Sở dĩ nêu câu hỏi này là nếu biết Thánh pháp, thì tức là Thánh nhân đáng là kính điền. Đã không biết vô tác Tứ đế Thánh pháp, tức không phải là chân Thánh nhân, chỉ biết pháp phạm hẹp hòi thì tức là bi điền đáng nương cậy mà lấy ăn. Văn này khó thấy, xưa giải không đúng.

Có người nói: Nếu phân biệt Phật pháp là chân chánh, ngoài pháp là tà, thì tâm có phân biệt không phải là giải không bậc nhất, nhưng tà chánh một tướng mới thật là hiểu không, mới có thể lấy ăn. Hoàn toàn ý giống Thông giáo, e ý kinh này không phải thế. Có Sư nói: Ngài Thiện Cát là Thanh văn không thể lời nói ra lại đồng với ngoại đạo, ngài Tịnh Danh chê trách khiến ngài đồng với lục sư, là Bồ-tát, mới có thể lấy ăn. Ý không phải thế. Nay nói ngài Tịnh Danh hỏi ngài Thiện Cát nếu muốn ma ngoại đạo tức là bi điền bèn có thể lấy ăn. Đây có hai câu hỏi: Một là, hỏi có muốn đồng với bọn tà đạo thì hãy lấy ăn; hai là, hỏi có muốn đồng với tà pháp thì lấy ăn. Vì sao, bởi đã không phải là Thánh nhân thì tức là muốn đồng với tà nhân thành tựu pháp hẹp hòi phạm phu, đã có ái kiến thì há không phải là ma ngoại, há không phải là ý muốn đồng với bi điền mà lấy ăn ư? Ý kinh nếu thế đâu lại đồng với các Sư.

Câu hỏi đầu có ba phần:

1. Căn cứ không thấy Phật không nghe pháp mà hỏi.
2. Căn cứ đồng lục sư mà hỏi.
3. Kết, khiến lấy ăn.

Căn cứ không thấy Phật không nghe pháp. Phạm chúng sinh không nhất định, tà chánh là ở duyên. Ngài Thiện Cát đã không thấy pháp thân Phật, không nghe pháp vô tác Tứ đế, tức là Không thấy Phật không nghe pháp. Thế thì những thấy nghe xưa đâu chẳng phải là thấy bọn ngoại đạo và nghe pháp của họ? Như Tam tạng giáo nói: “Nếu không thấy có Phật tượng sáu ở cung vua, không nghe pháp sinh diệt Tứ đế, riêng có thầy dạy học, tuy có thiên định thần thông trí tuệ, nhưng đều là ngoại đạo.” Nay ngài Thiện Cát đã không thấy ba thân Phật ba đức của Đại thừa, không nghe pháp ba thứ Tứ đế Đại thừa, tức là Không thấy Phật không nghe pháp, chỉ lúc xưa thấy Phật là Tỳ-kheo già và nghe pháp sinh diệt Tứ đế, thì tức không thấy được Phật chân thật, không nghe được pháp chân thật. Cho nên Kim Cang Bát-nhã Luận nói rằng:

“Ứng hóa không phải Phật chân thật, cũng không phải nói pháp.” Như ở đạo tràng vắng lặng Hoa nghiêm khi mới thành chánh giác, nói đốn giáo viên mãn, hàng Thanh văn ở tòa giảng như cầm như điếc, tức là Không thấy Phật không nghe pháp. Lại như trong kinh Pháp Hoa, kể cùng tử nghỉ đêm trong chòi lá, chỉ thấy cầm đồ hốt phân, không thấy thân tôn quý. Đó là Không gặp chánh duyên, không thấy chánh đạo, rơi vào hàng Nhị thừa, đồng loại với ngoại đạo, nên không thấy được chân lý, đều không phải là Thánh nhân, tất cả là bi điền.

Căn cứ lục sư mà hỏi Từ “Bỉ ngoại đạo... xuất gia”. Sở dĩ hỏi, tức đã không thấy Phật không nghe pháp, thì thọ học với ai về thân thông trí tuệ, đúng là phải theo học với lục sư. Vì sao biết? Vì lục sư sinh trước, Thiện Cát học sau. Đã không thấy Phật nghe pháp, ngoài ra không có ai dạy dỗ. Nếu như thế, thầy đã tà thì đệ tử đâu chánh được, cứ sao không đồng với bi điền mà lấy ăn?

Phú-lan-na là tên, Ca-diếp là họ, đã nói các pháp Không sinh không diệt.

Mạt-già-lê là tên, Câu-xa-lê là mẹ, nói ở chúng sinh tuy có khổ vui mà không có nhân duyên, tự nhiên như thế.

San-xà-dạ là tên, Tỳ-la-chi là tên mẹ nói chúng sinh cứ phó mặc, đến lúc chín muồi sẽ được đạo, cũng như hòn bi lăn hết mức sẽ dừng lại. Lại nói: Đủ Tám vạn kiếp tự nhiên sẽ được đạo.

A-kỳ-đa-xí-xá là tên, Khâm-bà-la là áo xấu nói rằng chúng sinh phải chịu khổ báo, nay người ấy cạo tóc xông mũi, mặc áo xấu để thay thế, cho rằng sau sẽ được vui Niết-bàn.

Ca-la-cưu-đà là tên, Ca-chiên-diên là họ nói rằng: Chúng sinh cũng có cũng không.

Ni-kiền-đà là tên chung của ngoại đạo xuất gia, Nhã-đề là tên mẹ nói rằng: Tất cả đều do nghiệp làm ra, nhất định không đổi được, không trốn tránh được.

Nay Đại sĩ chỉ dùng phần ít để chê trách phân tích như mắng người là lừa, chưa chắc phải có bốn chân và đuôi lông... Tam tạng giáo chưa rớt ráo thì cùng tướng tà giống nhau, đây là chê trách nói tướng cũng giống thế. Tam tạng giáo có bốn môn vào lý, lục sư cũng có bốn môn tà chấp. Như Phú-lan-na thấy về không nhân không quả, không sinh không diệt. Không sinh tức không hữu, không diệt tức không vô, tức là môn “chẳng phải có, chẳng phải Không”. Mạt-già-lê nói tất cả đều tự nhiên không có tạo tác, đây tức là phá nhân mà không phá quả, như Trang, Chu đã chấp về tự nhiên. Đây giống như không môn. San-

xà-dạ thì chấp tà nhân và không nhân chưa rõ ràng. Ca-chiên-diên thì chấp môn có, không, chấp hai thứ kia đều là hữu môn, nên biết lục sư có bốn chấp. Trong giáo Thanh văn nói Phật quá khứ khi ra đời, người có tuổi thọ dài ngắn, được đạo... đều có định số. Sau khi Đức Di-lặc ra đời thì lúc người sống đến tám vạn tuổi được đạo, còn các lúc khác không được đạo, nên Phật không ra đời, đây bị Đại luận chê trách. Là cùng với San-xà-dạ có gì khác. Giáo này lại nói cạo tóc, nhuộm y quét phân, khổ hạnh, cùng với Khâm-bà-la có gì khác. Lại nói Thi trọng Tỳ-ni làm phép đuổi và các tội giá làm ngăn ngại Thánh đạo thì cùng Nhã-đề tử có gì khác. Cũng nói là giống nhau cho nên dùng để chê trách. Lại ngoại đạo có ba thứ: Một là, Nhất thiết trí; hai là, Thần thông; ba là, Vi-đà “Phệ-đà”. Trong kệ bốn chữ có luyện tập suy nghĩ thật tinh tế mà thấu nhập thì thấy tâm rõ ràng. Mỗi người ở môn của mình mà biện thuyết vô ngại khó thể bắt bẻ khuất phục, tức là Nhất thiết trí ngoại đạo. Tuy có trí này nhưng chưa được thiền định thì chưa có thần lực. Nước lửa, vách núi chạm vào còn bị ngăn ngại. Nếu được thiền định nhân đó phát thần thông thì có thể đi đứng trên mặt nước, ở lỗ tai biến ra dê, tay nắm bắt ánh sáng trời trăng sao, miệng ngâm nước bốn biển... thần lực như thế cùng Thánh không khác, ấy là thần thông ngoại đạo. Tuy được trí tuệ thần biến nhưng chưa thông suốt luận bốn Vi-đà. Đó là thiên văn, địa lý, thuốc men và chú thuật. Gặp việc không biết phần nhiều đều bị khuất phục. Đây là có tuệ mà không nghe học. Nếu người có khả năng học thuộc bốn bộ Vi-đà thì là bậc thượng thủ trong đạo. Trong tất cả thế gian đều có các Sư, mười sáu nước kính trọng họ như Phật, nên đem ba thứ này căn cứ làm lục sư, một sư có ba mươi ba ngàn sáu trăm mười tám (33.618) Sư ngoại đạo. Tam tạng giáo cũng có ba thứ La-hán. Người mới tu ba thứ niệm xứ gọi là tánh cộng duyên, nên được quả thành ba thứ La-hán, gọi là tuệ câu vô ngại. Nếu căn cứ ở bốn môn thì có mười hai A-la-hán. Nhất thiết trí, Thần thông, Vi-đà các việc đều giống nhau. Sở dĩ nói hạng người tà này mà không chê trách, là vì sợ Thiện Cát tự bảo ta là La-hán thấy chân đoạn kiết thì được Nhất thiết trí, lại được ba minh sáu thông, lại tinh thông cả Tam tạng giáo là Đại La-hán, đây sánh được với bọn ngoại đạo này, nên Đại sĩ lấy ba thứ của lục sư để bài bác. Nếu ba thứ của ngoại đạo là tà thì ba thứ của ông đâu phải là chánh. Tâm làm ngoài lý từ trước nay đều gọi tà kiến, không phải là vô tác. Đại sĩ biết tâm ông ấy “Tu-bồ-đề) có hồi phục. Cho nên tóm kết nhiều lần mà chê trách, khiến không đối đáp được. Như thế mà cật vấn tới lui “ông đâu khác gì đám ngoại đạo kia, ông đã xuất gia với

họ, học của họ Nhất thiết trí...”

Kết thành bi điền hỷ lấy ăn Từ “Bỉ sư ... thủ thực”. Thấy ông bị đọa, tức hàng tà kiến lục sư, ông cũng đọa theo, tức ông xem họ là thầy, họ đọa vào sinh tử thì ông cũng đọa theo. Tuy là phân ra hai thứ sinh tử khác nhau, nhưng đều là Không thấy tánh, đồng nghĩa với đọa lạc, nếu muốn cùng đọa thì đồng với bi điền hỷ nên lấy ăn.

Câu hỏi kế tiếp là hỏi có muốn đồng tà pháp chăng? “Nếu Tu-bồ-đề trở xuống Sở dĩ lại hỏi câu này, tức nếu đúng chưa muốn thì tự bảo ta tuy không thấy Phật chân thật, không nghe chánh pháp vô tác, nhưng là La-hán, đủ cả ba nghĩa, đâu đồng với lục sư, là đệ tử của bi điền mà lấy ăn. Đại sĩ biết ý đó nên hỏi lại: Ông tự cho là A-la-hán đầy đủ ba nghĩa, không đồng với bọn lục sư và đệ tử của họ, sao lại còn dùng pháp kiến tư hẹp hòi xấu xa. Nếu người có điều đó tức không đủ ba nghĩa, đâu lại là La-hán, mà chẳng muốn đồng với bi điền lấy ăn. Văn này lại có ba phần:

1. Căn cứ Sát tặc mà chê trách.
2. Căn cứ Ứng cúng mà chê trách.
3. Căn cứ Bất sinh mà chê trách.

Căn cứ Sát tặc mà trách: nếu tự cho là La-hán, theo lý phải sát tặc sao được có đủ hoặc kiến tư hoặc Văn đây có hai phần nhỏ:

- a. Trách có kiến tư mà nhập vào tám nạn.
- b. Trách có tư duy mà lìa pháp thanh tịnh, đã đủ hai hoặc này, sao gọi là Sát tặc?

Trách về kiến hoặc: “Nếu Tu-bồ-đề... vô nan”. Nói tà kiến là những kiến nào. Nếu hợp với Trung đạo làm hai đế, chân đế hợp với tục đế, lại là hữu kiến. Nếu làm ba đế riêng thuộc vô kiến. Nên Đại kinh nói: Phạm phu là hữu, Nhị thừa là vô, còn Bồ-tát thì chẳng có chẳng không. Vì sao? Vì phạm phu không thấy Trung đạo mà khởi sáu mươi hai kiến, lưu chuyển trong hai mươi lăm hữu, nên thuộc hữu kiến, còn Nhị thừa không thấy Trung đạo mà đoạn sáu mươi hai kiến nhập Không, nên thuộc vô kiến. “Không” đối với sinh tử lại là hai biên, đều không vào Trung đạo. Nếu cùng luận với họ rằng đã thấy hoặc của tam giới mà đến bờ kia nên cướp lời nói đó chính là kiến hoặc của ngoại giới đâu thể đạt đến chỗ thấy kiến hoặc rốt ráo. Vì mê Trung nên thấy Không bất động, không tu vô tác đạo phẩm, sao lại nói đến biệt kiến của bờ kia, Do đó không phải là sát tặc.

Trụ ở tám nạn không được không nạn, tám nạn là chướng kiến đạo, Thanh văn nếu có nạn này thì không được vào. Bồ-tát bất định tự

mình có bị nạn che chướng. Tự mình tuy có đang ở trong tám nạn mà khéo léo dùng chánh quán, liền được không nạn, mà thấy được Phật tánh. Đây tức là làm phi đạo mà thấu suốt Phật đạo. Ngài Thiện Cát tuy đã lìa tám nạn giới nhưng trụ vào tám nạn của ngoại giới nên, đâu được đến bờ kia của kiến đạo Vô tác. Nên cần phân biệt hai thứ tám nạn: Một là phạm phu trụ sự tám nạn, hai là Nhị thừa trụ lý tám nạn, đều không được không có nạn. Ngài Thiện Cát gồm cả hai, đâu được không nạn. Chỉ có Bồ-tát của Viên giáo tu quán Trung đạo trụ sự tám nạn, đều được không nạn, nên ở tám nạn, mình người đều không trệ ngại.

Về sự tám nạn, là tám nạn của nội giới, chướng Thiên, Viên kiến đạo, sự số như trước đã nêu. Nay nói về lý tám nạn, chỉ chướng Viên chân. Ba nạn trước là ba ác đạo có Sự dùng ba không làm ba ác đạo. Đây chưa hẳn như thế. Vì Bồ-tát cũng tu ba không, mà không phải là Nhị thừa ác đạo. Nay dùng kiến tu Vô học của Tam tạng giáo làm ba ác đạo, vô vi chánh vị không thể phát tâm, gọi là đọa ác đạo. Cho đến bậc Vô học cũng như thế. Nếu vào vô dư, ắt trái hẳn Phật đạo, đâu không phải ba ác đạo là nạn. Bồ-tát không sợ tội ngũ nghịch và ba ác mà chỉ sợ sinh tâm Nhị thừa. Như Đại Luận có nói: Cây lớn đổ thì cành lá không có chim oán đậu nghỉ đêm. Nạn thứ tư là Bắc Uất-đơn-việt Định tức đem diệt của Tứ đế đối với phương Bắc, Thanh văn chứng diệt như định thọ ấy. Nạn thứ năm là Trường thọ thiên. Thanh văn gọi là Tịnh thiên. Nếu nhập Vô dư thì về Đệ nhất nghĩa thiên đâu có thể hóa sinh. Có người nói Nhị thừa vô dư là định đại diệt, trải bảy trăm a-tăng-kỳ kiếp Phật sẽ phóng quang chiếu kẻ có duyên, khi ra đời mới nói pháp cho nghe. Nếu dựa vào Đại Luận mà nói thì ra khỏi ba cõi rồi thọ thân pháp tánh, các loại như thế là khác với trầm độn khó hóa độ, đồng với trời Trường thọ. Nạn thứ sáu là, sinh trước Phật sau Phật, hàng Nhị thừa quán thấy Chân, khi xuất quán thì duyên với tục, không thấy lý Trung đạo, tức là trước Phật sau Phật. Nạn thứ bảy là, Thế trí biện thông ngoại đạo không thấy lý chân, mà phát kiến tuệ gọi là Thế trí biện thông. Hàng Nhị thừa chưa thấy Trung đạo mà phát tuệ vô lậu đồng là thế trí biện thông. Nạn thứ tám là, mù điếc cảm ngộ, hàng Nhị thừa không có căn Bồ-tát, tuy được lục thông, nhưng không thấy sắc của mười giới thì như mù, không nghe tiếng ở mười giới thì như điếc, không thể dùng một âm mà tùy loại được hiểu thì như câm. Như tám nạn này nghiêng về Sự mạn. Ngài Thiện Cát không thể trụ ở sự lý nạn mà được không nạn, mình và người không trệ ngại, lại trụ ở lý mạn mà chướng kiến Trung đạo, sao đạt được, kiến đạo đến bờ kia, tức đồng pháp phiền

não lia thanh tịnh.

Trách còn có tư duy: chỉ vì phiền não gọi chung ở trên đã thuộc kiến, nay phải thuộc tư. Ngài Thiện Cát có đủ biến dịch phiền não tâm cùng thứ này hợp nhau, nên nói đồng với phiền não. Như trong Đại Luận nói: Kết sử có hai thứ: Một là, Nhị thừa cộng đoạn; hai là, Nhị thừa bất cộng đoạn. Bất cộng đoạn, tức như Ca-diếp... chưa đoạn được nên khi nghe Ca-la nữ đàn lên thì không thể tự an.

Lìa pháp thanh tịnh, tức là lìa pháp tâm tự tánh thanh tịnh. Kẻ phạm phu cụ hoặc gặp duyên cũng có thể cầu được pháp thanh tịnh. Hàng Nhị thừa chấp chứng của mình là rốt ráo không cầu, tâm mê lý Trung đạo tức là lìa hẳn pháp thanh tịnh. Thế thì tư hoặc vẫn còn sao tự bảo là sát tặc được?

Trách không phải Ứng cúng: Từ “ông được... ác đạo”. Ngài Thiện Cát cho rằng mình được Vô tránh Tam-muội thì là phước điền tốt, tất cả chúng sinh cũng được định ấy sao nói họ không phải là Ứng cúng phước điền. Căn bản thiền định, bốn Vô lượng tâm, Vô tránh... các định, trải nhiều kiếp chúng sinh cũng từng được. Cho nên Đại kinh có nói: Phạm phu đều có Sơ địa vị thiền.

Hỏi: Ngài Thiện Cát đã tu quán luyện huân tu mà được định Vô tránh, chúng sinh không tu thứ này, vì sao nói cũng được định này?

Đáp: Quán luyện huân tu đều nhân căn bản thiền. Nay bèn một loạt lấy đây nêu ra nên nói đều được. Lại nữa, các lục sư... đều được thâm thiền, đều có Từ tâm từ thiền định mà khởi, dù có hương xông dao cắt, tâm vẫn không nghĩ khác. Như thế thiền này cùng với thiền Vô tránh của Thiện Cát đâu khác?

Những người thí cho ông không gọi là phước điền, chúng sinh cũng được định ấy nhưng vì có cát muối kiến tư nên không gọi là phước điền. Các ông lại được định ấy thì cũng đủ cả cát muối kiến tư. Người cúng dường các ông tất đọa vào ba ác đạo, tức cúng dường cho Tiểu thừa. Khi báo trời, người hết rồi, gặp duyên lại phát nghiệp Tiểu thừa, thì nhập vào kiến tư Vô học ba ác đạo. Lại nói cúng dường cho Tiểu thừa, sau này tâm buông lung không trú Đại thừa, phần nhiều lại chê bai, nên bị đọa vào ba ác đạo. Như Thắng Ý chấp Tiểu chê Đại sinh thân mà đọa lạc trải nhiều kiếp chịu khổ. Đây chính là nhân tội đâu thể gọi là Ứng cúng.

Trách không phải Bất sinh: Từ “Vi dữ ... thủ thực”, chúng ma, thì ham mê sinh tử. Nếu cùng ma đồng, tức đồng sinh tử, sao gọi là Bất sinh. Là cùng chúng đồng tức có hai nghĩa:

a/ Căn cứ tự hành.

b/ Căn cứ hóa tha.

Căn cứ tự hành, tức ma và Thiện Cát đều cùng ưa sinh tử, tuy có hữu vi vô vi không đồng nhau, nhưng đều là Không thấy tánh. Như làm một vật giống nhau nên nói là một tay.

Căn cứ hóa tha, như Đại Phẩm nói: Khi Bồ-tát hành Bát-nhã thì ma đến nói rằng: Các ông sao không học theo Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi-Phật, nay gọi là hàng Nhị thừa cũng dạy chúng sinh tu hành pháp của mình, tiếp dẫn nghĩa đồng nên nói là một tay. Lữ nghĩa là bạn bè, người cùng chí hướng. Lao nghĩa là đều có trần lao thấm đượm vào nghiệp việc đồng. Lại giải lao tức là bền chắc, tức đều nhiễm sinh tử chấp nhân khó chuyển, nên nói là lao lữ “bạn trần lao”.

Ông nay cùng chúng đồng, tức ma có đủ tám vạn bốn ngàn trần lao, ông cũng có đủ nên nói là đồng. Lại đủ cả tám vạn bốn ngàn ngoại giới.

Đối với tất cả tâm chí oán, tức như kẻ phạm pháp vua, là tên giặc cướp lớn không thể cứu. Hàng Nhị thừa tự cho mình khỏi cứu chúng sinh mặc tình với luân hồi là tên cướp lớn. Lại như đám giặc cướp thiên người. Nhị thừa cũng thế, phá hoại thiện căn của người, dứt chủng tử của Phật, nên nói mà có oán tâm.

Lại hại pháp thân tuệ mạng của chúng sinh và thiện pháp quyền thuộc. Đó gọi là hại mẹ Trí Độ, hại cha Thiện Quyền, hại vợ Pháp Hỷ, hại con trai Thiện Tâm, hại con gái từ bi, há không phải là tên cướp lớn của thiện pháp. Chê bai chư Phật, chê bai có hai nghĩa: Tăng và tổ. Phật không có các nạn sinh tử bệnh não... mà nói là có, tức là tăng thêm mà chê. Thân Phật thường trụ công đức trí tuệ lạng sáng đầy đủ, mà nói là Không có, tức là làm mất đi mà chê. Như đoạn văn sau trách A-nan rằng: Chớ chê Như Lai. Thân Như Lai là thể kim cang, các ác đã dứt hẳn, các thiện khắp đầy, đâu còn bệnh tật sầu não nào...

Hủy pháp, nếu nhất định nói pháp hữu tác tức là chê pháp vô tác. Lại pháp tức là pháp tánh không thể nói bày, nếu nói có, tức là hủy báng. Kinh Kim Cang Bát-nhã nói: Nói có thuyết pháp tức là hủy báng Phật, vì không hiểu điều ta nói. Tam tạng giáo chân đế nói bốn hủy báng, tức là bốn môn Tiểu thừa có bốn trường hợp nói pháp, là nói pháp chê Đại thừa vậy. Nếu ở chúng sinh có oán chê Phật hủy pháp gọi là đại ác nghiệp. Do biệt hoặc mà thọ sinh biến dịch, sinh tử mênh mông sao gọi là Bất sinh?

Không vào số chúng ấy, nếu có chướng thì không được vào số

Thánh hiền của Viên giáo. Thiết luân ở giáo này thì sáu căn hỗ dụng nhau, hàng Nhị thừa không có, đâu được ở trong số đó.

Trộn không diệt độ, là chấp có Tiểu thừa diệt độ, trộn không thể được Thường Lạc Niết-bàn, tức là Biến dịch sinh tử chưa hết, sao gọi là diệt độ. Nên kinh Pháp Hoa nói: Chỉ là hư vọng thì gọi là giải thoát. Thật sự chưa được giải thoát tất cả, Phật nói người này chưa được diệt độ, người này chưa được đạo Vô thượng. Cho nên ông nay chấp chứng, quyết không được Đại diệt Niết-bàn, tức không phải Bất sinh, sao được tự gọi là Bất sinh? Thấy đều không có ba nghĩa của La-hán, đâu khác gì ma ngoại kia, thì đâu được không muốn đồng với Bi điền mà lấy ăn. Người đời không hiểu sâu ý kinh, phần nhiều đều nghi lời giải này, đến Pháp Hoa mới rõ. Nên bốn vị đại Thanh văn tự mừng rằng: Bọn ta nay mới thật là A-la-hán ở thế gian, đáng nhận thọ cúng dường. Đây mới ngộ được sự chê trách lúc xưa của ngài Tịnh Danh.

c/ Bỏ bát mà đi khi ấy ta đến nhà, ba lần Thiện Cát để bát tự bằng lòng là chưa biết Thánh pháp, lại không phải là Thánh nhân. Lại ta thật đã đoạn hết các hoặc ở tam giới đâu được tức đồng ma ngoại, suy nghĩ tới lui đều không thể làm bi hoặc kính điền mà lấy ăn, mê muội ngăn ngại không biết đáp sao, bèn bỏ bát mà đi. Lúc đó Đức Thế Tôn tôi nghe kể hoang mang này thuật lại việc mê mờ kinh nghi không hiểu. Vì sao? Vì trong Tam tạng giáo chỉ nói vụng về vượt qua sinh diệt, chưa từng nghe Phật nói vô tác Tứ đế, ngu si không hiểu thế nên hoang mang. Không biết nói gì, đâu biết đáp sao, tức không hiểu điều ngài Tịnh Danh nói đều là lý viên giáo, không biết sự quyền thật khai giá của Phật pháp, thế nên không biết đáp sao. Bèn để bát muốn đi ra khỏi nhà ấy, đã không thành kính điền mà cũng không muốn đồng với bi điền, bỏ hai lối này không còn cách nào khác, do đó để bát mà đi ra khỏi nhà.

Ngài Tịnh Danh an ủi: Từ “Duy-ma-cật” trở xuống, ngài Thiện Cát cậy mình giải Không, không sợ vấn nạn, nên đến khát thực để xem biết thần trí sắc bén của ngài Tịnh Danh. Nếu thế sao Tịnh Danh hỏi thì mờ mịt không biết gì. Song việc ngài Tịnh Danh cất vấn vốn là muốn bác bỏ chỗ trệ Không, chỉ rõ pháp chưa nghe, không phải vì tiếc của mà gây buồn lo, do đó đã an ủi khiến ngài Thiện Cát lấy bát về. Văn có ba phần nhỏ:

1. Hỏi an ủi.
2. Ngài Thiện Cát đáp.
3. Lại an ủi giải thích.

An ủi lấy bát chớ sợ, đã Không, tức đồng với lục sư thì chỉ là có lỗi

trệ Không, sao lại tự hạ mê mờ như thế. Nói Phật hiện ra hóa độ người dùng việc đó để gạn hỏi, tức là pháp thân khởi ứng, mà dùng lời cật vấn này, đâu nên sợ. Việc hóa độ tức Không, là đã hiểu nghĩa Không. Trong Đệ nhất không thì không có người, sao lại sợ sệt.

Thiện Cát đáp lời “Tôi nói Không...”, dùng tâm giải không mà nghe lời giáo hóa, tâm nhỏ bé tỉnh ngộ, hết sợ sệt nên nói Không.

Lại an ủi giải thích “Duy-ma-cật... trở xuống. Văn đây lại có ba:

a. Chính an ủi.

b. Giải thích.

c. Luận lại.

a. Nói tất cả các pháp đều như tướng huyễn hóa, nay Ngài không có gì phải sợ. Đây là dùng huyễn hóa của Thông giáo để an ủi, khiến không sợ hãi. Nên ngài Thiện Cát tích pháp Không mà quán nhập, ắt không còn lo âu, nhưng khi xuất quán nghe nói khác, thì tâm liền biến động, nên dùng huyễn hóa tức không mà an ủi.

b. Giải thích Từ “Sở dĩ... sở cụ”. Những điều vừa nói trên cùng đồng tất cả pháp, đều huyễn hóa tức Không. Nếu được tức Không, nên không đấm trước danh tự, thì tâm không kinh sợ.

c. Lại luận văn tự tánh lia Từ Hà dĩ... pháp dã”. Không ở mình người bốn câu tức chữ là tánh. Tánh vốn không có, nên nói tánh lia: Đó là bất tư nghị giải thoát, đâu được giải thoát mà tâm còn kinh sợ?

Nói thời chúng được lợi ích Từ “Duy-ma... nhãn tịnh”. Pháp nhãn tịnh, tức ngộ lý tức không mà vào kiến đạo, nên gọi là Pháp nhãn tịnh, cần dùng Thông giáo mà giải thích ý ở đây. Cho nên nói “Con không dám lãnh lệnh đến thăm bệnh ông ấy”.

* Kết lời không kham. Với hai câu hỏi của ngài Tịnh Danh mà khiến ngẩn ngơ không biết gì, đâu dám lãnh ý chỉ Phật mà đến thăm bệnh ông ấy.

